

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: **2501/NĐĐT-KHVT**

V/v báo giá Đơn hàng: Cung cấp vật tư điện các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày **26** tháng **8** năm 2024

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Đơn hàng: Cung cấp vật tư điện các loại phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng.** Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Thôn Đông Sơn - xã Bình Khê - thị xã Đông Triều - tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 04/9/2024.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 2501 /NĐĐT-KHVT ngày 26 / 8 /2024 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Bộ bảo vệ máy cắt	Mã hiệu: unit 4 ST40-3M-2000/1000/3P+N/AC110V/U (dòng điện định mức 1000A) điện áp AC 110V	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
2	Bộ cài đặt điều chỉnh nhiệt độ	Mã hiệu: CND-8032A4; PT100; AC85-265V; 50/60Hz của nhà sản xuất SHANGHAI CHAONENG ELECTRONIC CO.,LTD	Bộ	04		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
3	Bộ chia khí	Mã hiệu: SPGB/31733G 1/4 inch, áp suất 0,7-10 bar, nhiệt độ 50-75 độ của Norgren	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
4	Bộ chia khí + cuộn hút	Mã hiệu: G551A001MS; Pmax; 10 bar; nhà sản xuất JOUCOMATIC ASCO	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
5	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: 3051 CD2A22A1AM5B4DF (25MPa; 10,5-55VDC; 4-20mA; -4,4-0Kpa) của nhà sản xuất ROSEMOUNT	Bộ	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
6	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: 3051 L4AG09D21AAM5RCLTK (Pmax: 2068Kpa; 10,5~55VDC; (0~2000kpa); 4~20mA) của nhà sản xuất ROSEMOUNT	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
7	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: 7MF4033-1EA10-2AB6-Z; A01+Y01+Y15;63-6300Kpa;-0,1-10Mpa của nhà sản xuất Siemens	Bộ	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
8	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: 7MF4033-1DA10-2AB6-Z; A01+Y01+Y15;16-1600Kpa;-0,1-3,2Mpa của nhà sản xuất Siemens	Bộ	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
9	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: 3051 S2CD3E12A1AB4M5 (300S1AAM5 TRANSMITTER) (10,5-42,4DVC;0-248Kpa;25Mpa) của nhà sản xuất ROSEMOUNT	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
10	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: SITRANS P7MF4533-1FA32-2AB6-Z A01+Y01+Y15 Measuring	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Span: 1,6-160Kpa; Rated pressure: 42Mpa; của nhà sản xuất: SIEMENS				cấp hàng				
11	Bộ chuyển đổi nguồn một chiều	Mã hiệu: S-100-24 (Input:100-120VAC;1,9A; 200-240VAC;0,8A;50/60Hz; Output: 24VDC; 4,5A) của nhà sản xuất MEAN WELL	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
12	Bộ chuyển đổi nguồn nhanh	Mã hiệu: ASCO Power Switch RATINGS: Ie 104 AMPS; Ue 415V 50-60Hz; 3 pha CAT.NO.D00300030104K1 X0; SERIAL NO.816685 RE; BOM 931653; CONTROL PNL.473670-005; WIRING DWR.762484; Series 300 của nhà sản xuất: ASCO	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
13	Bộ chuyển đổi truyền thông	Mã hiệu: MC210FT; 2KM; 85~265VAC/DC của nhà sản xuất TSC	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
14	Bộ điều khiển hiển	Mã hiệu: XMTF-3002IG; Pt100 0~199 độ C; 240VAC	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	thị kỹ thuật số	của nhà sản xuất Yuyao Jindian Instrument Co.,Ltd				thông báo cấp hàng				
15	Bộ đo lưu lượng	Mã hiệu: 10L1F-UE0A1AG2A4AA; Promag 10; 85-250VAC; 12VA Promag L; DN150 DIN/EN PN10; ~10 - 50 0C của nhà sản xuất Endress + Hauser	Bộ	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
16	Bộ giám sát điện áp và dòng điện	Mã hiệu: PDM-803AV của nhà sản xuất Dandong Huatong Measure & Control co.,ltd	Cái	10		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
17	Bộ giám sát điện áp	Mã hiệu: RM22TR33 của nhà sản xuất Scheider	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
18	Bộ giám sát độ ẩm	Mã hiệu: KN-LWK-Z45 (TH) của nhà sản xuất Zhuzhou Sanda Electronic Manufacturing Co., Ltd	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
19	Bộ giám sát hệ thống điện 1 chiều	Mã hiệu: TEP-G-E của nhà sản xuất TITANS	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
20	Bộ giám sát nhiệt độ	Mã hiệu: KWS-3420; AC220V của Nhà sản xuất	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		SHAANX1 KEFEI ELECTRONICS.,LTD				thông báo cấp hàng				
21	Bộ giám sát nhiệt độ	Mã hiệu: ABB C510.03-K 1SAR700003R0006; 0-200 độ C; Uimp: 4kV; UI:300V của nhà sản xuất ABB	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
22	Bộ lưu điện	Mã hiệu: SMART-UPS 1000 (220-240VAC; 50/60Hz; 1000VA: 670W 4,5A; 1500VA 980W 6,8A) của nhà sản xuất APC	Bộ	12		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
23	Bo mạch điều khiển và hiển thị	Mã hiệu: MF8.530.001F lắp cho van mã hiệu M8330d; Nhà sản xuất: Chongqing Chuanyi Automation Co.,Ltd. Actuator Branch	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
24	Bo mạch điều khiển và hiển thị	Mã hiệu: MF8.530.001F lắp cho van mã hiệu M8340d; Nhà sản xuất: Chongqing Chuanyi Automation Co.,Ltd. Actuator Branch	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
25	Bo mạch điều khiển van	Mã hiệu: D020102-Ver1.5 của nhà sản xuất Yangzhou Electric Power Equipment Manufacture Factory Co., Ltd (lắp cho van mã hiệu: F-	Cái	03		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		2SA3022-1FZ00-1000-ZJ3A+Y01+ZT400 của nhà sản xuất Yangzhou Electric Power Equipment Manufacture Factory Co., Ltd)								
26	Bo mạch hiển thị	Mã hiệu: Z043.556/01-05 của nhà sản xuất Auma (lắp cho cơ cấu điều khiển mã hiệu: AM01.1 Com no: 13187152; KMS: TP104/001; 3~400V; P1,5kW; Control: 4-20mA của nhà sản xuất Auma)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
27	Bo mạch hiển thị van	Mã hiệu: 1M-DISLAY-Ver1.1 của nhà sản xuất Yangzhou Electric Power Equipment Manufacture Factory Co., Ltd (lắp cho van mã hiệu: F-2SA3022-1FZ00-1000-ZJ3A+Y01+ZT400 của nhà sản xuất Yangzhou Electric Power Equipment Manufacture Factory Co., Ltd)	Cái	03		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
28	Bo mạch phản hồi phần trăm	Mã hiệu: Z015.909/01-11 48.10 R66500; Nhà sản xuất: Auma (lắp cho van AM 01.1; P: 1,5kW Com No: 811045925 nhà sản xuất Auma)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
29	Bơm chìm	Thông số kỹ thuật: 2HP; 1,5kW; 220V; 45m ³ ; Hmax: 15m	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			
30	Bơm chìm	Thông số kỹ thuật: 20HP/15kW-380V, 95m ³ /h; Hmax 50m	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			
31	Bơm chìm	Thông số kỹ thuật: Công suất $\geq 55\text{kW}/3\text{P}/380\text{V}$ -50Hz/1450vpm; cột áp $\geq 45\text{m}$; lưu lượng $\geq 200\text{m}^3/\text{h}$; đường kính họng xả 150m ³ /h	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			
32	Bơm số 2 phun giảm ôn hơi quá nhiệt lò khởi động	Mã hiệu: MG90LC2-24FT115-H3;)No.8SUO5908; 2,20kW; 50 Hz; U220-240/380-415V; 4,45A; I _{max} 8,45/4,90A; COSØ2890-	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	6 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		2910min; 60Hz; u220-277/380-480V; 4,45-3,70A; I _{max} 8,45-7,00/4,90-4,10A; COSØ 0,91-0,85 n3470-3530min) của nhà sản xuất Grundfos								
33	Bơm tăng áp	Mã hiệu: QG500-80 (Số tầng cánh: 1; lưu lượng: 430t/h; cột áp: 84m; chiều cao cột áp hút tối thiểu NPSHr: 4m; tốc độ 2985 vòng/phút; hiệu suất: 81,36%; công suất: 120kW) của nhà sản xuất Shanghai Power Equipment Manufacture Co.,ltd	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
34	Cảm biến tắc than	Mã hiệu: SE110B (Power: 220VAC; Contact: 5A/250VAC) của nhà sản xuất: Fine Tek	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
35	Cảm biến tiệm cận	Mã hiệu: 330103-06-20-10-02-00 của nhà sản xuất: Bently Nevada	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
36	Cảm biến tiệm cận	Mã hiệu: II0005II-2010-ABOA;	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		S:10mm;U:20....250VAC/ DC;45...65Hz; I:350mA AC của nhà sản xuất IFM electronic				thông báo cấp hàng				
37	Cáp lực van TID M8340	Loại: AWM2651-H604577	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
38	Cầu chì sứ	Mã hiệu: RT14-63 (8A;22x58mm) của nhà sản xuất Mingqing Longhe Electric Porcelain Co.,Ltd	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
39	Cầu chì sứ	Mã hiệu: RT14-63 (16A;22x58mm) của nhà sản xuất Mingqing Longhe Electric Porcelain Co.,Ltd	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
40	Chốt tác động	Chốt tác động dùng cho máy cắt 0,4kV mã hiệu: KFW2-3200 của nhà sản xuất Shanghai Qiantuo Co.,Ltd	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	/			(**)
41	Cơ cấu chấp hành van đỉnh cầu	Mã hiệu: GU9 9NU (UK type 124-100; Pmax=7bar) của nhà sản xuất KINETROL	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
42	Cơ cấu điều khiển điện	Mã hiệu: Electronics: Contrac EBN 853; U=190..260V 1Ph; 50Hz; P=max.780W; Actuator type: RHD 250-10 68853W102329 của nhà sản xuất ABB Automation	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
43	Công tắc áp lực	Mã hiệu: BH-035002-035 (Adjustable range: 0,8-7Bar; Overrange: 100Bar; Proof: 170Bar) của nhà sản xuất SOR	Cái	04		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
44	Công tắc áp lực	Mã hiệu: 4RN-EE45-M4-C1A-PPX (Adjustable range: 0,3-5bar; Overrange: 50 bar; Proof: 70bar) của nhà sản xuất SOR	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			(**)
45	Công tắc áp lực	Mã hiệu: H100-218 (Options: M201 1519; Range: 30" HgVac to 0 psi/- 1 bar to 0 mbar; Proof: 30 psi; 2.1 bar; 15A 480VAC) của nhà sản xuất United Electric Control Company	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
46	Công tắc hành trình	Mã hiệu: YBLX-12/2 (380VAC/0,26A;	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		220VDC/0,14A) của nhà sản xuất CHINT				thông báo cấp hàng				
47	Công tắc hành trình	Mã hiệu: YBLX-19/K (380VAC/0,79A; 220VDC/0,1A) của nhà sản xuất CHINT	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
48	Công tắc tơ	Mã hiệu: KFC2-75/220VAC của nhà sản xuất Daquan Kaifan	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
49	Cụm van điều khiển Auma (gồm: động cơ, cơ cấu điều khiển, cơ cấu switch)	Động cơ van Auma mã hiệu: SD00 50-4/60 Art No: Z024.479; Y: 3~380V; 50Hz; P: 0,080kW CosØ: 0,6; In: 0,55A; 1400rpm của nhà sản xuất Auma; Cơ cấu điều khiển van Auma: Mã hiệu: Com No: 811045925; AM01.1; P: 1,5kW; KMS TP100/001; 3~380V; Control: 24VDC của nhà sản xuất: Auma; Cơ cấu switch Mã hiệu: SG07.1-F07; Com.No: 811045925; TP100/001; T Close: 120-300Nm; T	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Open: 120-300Nm của nhà sản xuất Auma								
50	Cuộn đóng máy cắt	Mã hiệu: BGW45-2000/D220V (dùng cho máy cắt mã hiệu KFW2-3200 của nhà sản xuất: JIANGSU DAQO KFINE ELECTRIC CO.,LTD	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
51	Điốt chỉnh lưu	Mã hiệu: 13046434; Typ BEG-243-555; M1~555V1~0,75A của nhà sản xuất INTORQ	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
52	Động cơ 3 pha	Mã hiệu: M2QA71M4B (P=0.37kW; U=380V; N=1395r/min; I=1.05A; IP56) nhà sản xuất ABB	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
53	Modul điều khiển máy cắt	Mã hiệu: unit4 ST40-3M-1250A/3P+N/24VDC, In=1250A dùng cho máy cắt KFW2-3200 của nhà sản xuất: Jiangsu Daqo Kfie Electric Co.,Ltd	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
54	Modul mở rộng PLC	Mã hiệu: SM331 AI 8x12 Bit; 331-7PF01-0AB0 lắp cho PLC SIMATIC S7-300 của nhà sản xuất SIEMENS	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
55	Nút ấn nhả màu đỏ	Mã hiệu: XJA-22/203; 2 cặp tiếp điểm NO-NC; phi 22 của nhà sản xuất: Jiangyin XinchangJiang relay co.,ltd	Cái	05		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
56	Quạt làm mát	Mã hiệu: AFX-255090; AFX-155023 (điện áp 220/240V; 0,24/27; 50/60Hz) của nhà sản xuất LDC	Cái	25		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
57	Quạt làm mát	Mã hiệu: UF-122523 (điện áp 230V; 0,08A; 50/60Hz) của nhà sản xuất Fulltech	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
58	Quạt làm mát	Mã hiệu: AFX-155023 (điện áp 230V; 0,23A; 50/60Hz) của nhà sản xuất LDC	Cái	10		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
59	Quạt làm mát	Mã hiệu: MAXAIR BT220 (220-240 VAC; 50-60Hz; 34W; 0,22A) của nhà sản xuất Shenzhen Yyc Motor Ltd	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
60	Quạt làm mát	Mã hiệu: GFD582-155TH (90W/240; 0,65A) của nhà sản xuất Huaying Transformer Components	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Manufacturing Co.,Ltd								
61	Quạt làm mát	Mã hiệu: GFD470-155TH (85W/240V; 0,65A) của nhà sản xuất Huaying Transformer Components Manufacturing Co.,Ltd	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
62	Quạt làm mát	Mã hiệu: 4715MS-23T-B50 (230VAC; 50/60Hz; 15/14W) của nhà sản xuất NMB-MAT	Cái	40		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
63	Quạt làm mát	Mã hiệu: KDE2412 PMB 1-6A (DC24V; 10,3W) của nhà sản xuất SUNON	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
64	Quạt làm mát	Mã hiệu: 2410ML-05W-B60; 24VDC; 0,17A của nhà sản xuất NMB-MAT	Cái	05		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
65	Quạt làm mát	Mã hiệu: 09238RA-24N-FB; 24VDC; 0,93A của nhà sản xuất NMB	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
66	Quạt thông gió	Mã hiệu: BPT15-34C (36W; 50Hz AC220) của nhà sản xuất Genun Electric	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Co., Ltd				cấp hàng				
67	Quạt thông gió	Mã hiệu: SK3326 107 D=250mm, độ dày: 100mm; 230VAC; 50/60Hz; 0,29/0,35A; 64/80W của nhà sản xuất RITTAL	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
68	Quạt thông gió	Superlite Max SLHCV; đường kính cánh 30cm; công suất 130W; lưu lượng gió: 1080m3/h; điện áp 220V (hoặc tương đương)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
69	Quạt thông gió	Mã hiệu: SJ1238HA2; 220-240VAC; 50/60Hz; 0,13A; Nhà sản xuất: SANJU ELECTRIC MACHNERY CO.,LTD	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
70	Sensor đo COD	Mã hiệu: Turbimax CUS51D-10F9/0 của nhà sản xuất Endress + Hauser	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
71	Sensor đo lưu lượng	Mã hiệu: U53S100 Ultrasonic Sensor của nhà sản xuất hach	Cái	02		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
72	Sensor đo	Mã hiệu: ViomaxCA51D-	Cái	01		30 ngày kể	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	TSS	15M1/0 của nhà sản xuất Endress + Hauser				từ ngày có thông báo cấp hàng				
73	Van Auma điều khiển và phản hồi tuyến tính	Mã hiệu: AM01.1; P=1,5kW; Com No: B11045925; MSP: 1110KC3-F18E1; KMS: TP100/001; 3~380; Control 24VDC của nhà sản xuất AUMA	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
74	Van điện từ (bao gồm cả cuộn hút)	Mã hiệu: SCG353A043; 0,35-8,5bar; pipe: G3/4; 25mm của nhà sản xuất ASCO NUMATICS	Bộ	18		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
75	Van điều chỉnh	Mã hiệu: Actuator type sire: IQ12; base: F10; Coupling: B4; Wiring diagram: 3010-100-09; 0,16kW; Moto supply: 400-3-50; Moto current: 1.00Amp của nhà sản xuất Rotork	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
76	Van điều tiết làm mát	Mã hiệu: ZMAY-64B; áp lực 6,4MPa, đường kính DN9mm; hành trình 7mm của nhà sản xuất Yongzhi	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Nhà sản xuất/ Xuất xứ (*)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
77	Bộ chuyển đổi áp lực	Mã hiệu: SITRANS P 7MF4033-1CA10-2AB6-Z A01+Y01+Y15; Measuring span: 4-400Kpa; Overange limit: -0,1-1Mpa của nhà sản xuất Siemens	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
78	Bộ giám sát cầu chì	Mã hiệu: NRJZ-96 (AC220V-5W) của nhà sản xuất Nari	Bộ	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
79	Modul truyền thông quang điện	Mã hiệu: FM1202-B ZAS05 của nhà sản xuất Hollysys	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
80	Bo mạch	Mã hiệu: E2K-UCS-61-(B) Class B IECS-003 của nhà sản xuất Dell (lắp cho Server mã hiệu: PowerEdge R710 của nhà sản xuất Dell)	Cái	01		30 ngày kể từ ngày có thông báo cấp hàng	12 tháng			
	Tổng									
	Thuế GTGT									
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)									
	Bằng chữ:									

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.